

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày: 26/7/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triều.
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trịnh Hồng Hà.
2/ Bà Đinh Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Minh Chí – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Duy P, sinh năm 2002; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo chưa có vợ và con;

Tiền án: 01.

+ Ngày 10/6/2020, bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 01 năm tù về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 20/4/2021, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 01/02/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 1.500.000đồng về hành vi sử dụng các loại vũ khí, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép.

+ Ngày 01/8/2022, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre xử phạt 650.000đồng về hành vi điều khiển xe không có gương chiếu hậu bên trái người điều khiển; chở người ngồi trên xe không đội mũ bảo hiểm cho người đi xe mô tô, xe máy (chưa đóng phạt).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 14/01/2023 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại:

Lê Đăng K, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: 181, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Thị Chiêu H, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

* Người làm chứng:

1. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

2. **Nguyễn Minh H1**, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

3. **Nguyễn Nhựt T**, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: ấp L, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

4. **Trần Hữu P1**, sinh năm 2001;

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

5. **Trần Thị C**, sinh năm 1951;

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T1, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do trước đó có mâu thuẫn từng đánh nhau nên vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/6/2022, Lê Đăng K, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre mang theo thanh sắc vương cùng với Nguyễn Minh H1 đi đến nhà Nguyễn Duy P tại ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre để giải quyết mâu thuẫn. Khi thấy K và H1 đi thì Nguyễn Văn D (anh ruột H1) đi theo sau. Khi đến nơi thì do cửa bị khóa nên K không vào nhà được nên bỏ đi về. Sau đó, do tức giận vì K đến nhà tìm nên P cầm theo dao chét giấu trong áo định đi tìm K thì thấy Nguyễn Nhựt T và Trần Hữu P1 đi trên 01 xe mô tô đến nhà, P kêu T và P1 chờ đi nhờ một đoạn. Khi đến khu vực cầu bê tông gần nhà ông X thì P đi xuống tìm nhóm K, còn T và P1 chạy đi không đi cùng P. Khi P gặp nhóm K, hai bên xảy ra xô xát, P dùng dao chét chém về phía K nhiều nhát trúng tay trái của K, K dùng thanh sắt đánh lại P rồi P ném dao chét về phía K và bỏ chạy. Tiếp đó, K đuổi theo nhưng bị trượt chân té, P thấy vậy quay lại giật lấy dao bấm dài khoảng 20cm trong tay K đâm vào vùng hông trái và lưng trái của K gây thương tích. P cầm dao bấm bỏ đi, trên đường về đã vứt bỏ dao bấm, không tìm được. Sau đó, K được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu. K có đơn yêu cầu khởi tố đối với Nguyễn Duy P (đề ngày 14/6/2022).

Vật chứng thu giữ: 01 (một) chiếc dép cao su màu xanh; 01 (một) con dao chét dài 50cm, cán gỗ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 32cm, mũi bằng.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 214-722/TgT ngày 28/7/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận thương tích của Lê Đăng K như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 vết thương lóc da rộng kích thước khoảng 2x5cm ở khoảng liên sườn 5-6 đường nách giữa bên trái thấu ngực, đáy vết thương xuyên thấu vào khoang màng phổi, gãy xương sườn 8 (T).

+ Xquang: tràn dịch màng phổi hai bên lượng ít, tràn khí màng phổi trái lượng ít, gãy xương sườn 8 (T).

+ Chẩn đoán: tràn máu+tràn khí khoang màng phổi trái.

+ Phẫu thuật: dẫn lưu màng phổi trái.

+ Hiện vết thương lành sẹo, kích thước 9,5cm x 0,5cm; vết mổ dẫn lưu lành sẹo, kích thước 02cm x 1,5cm.

- 03 vết thương lưng trái kích thước lần lượt 01cm, 02cm, 02cm, bờ sắc gọn. Hiện 03 vết thương lành sẹo, kích thước 01cm x 0,1cm, 1,5cm x 0,2cm và 01cm x 0,1cm.

- 01 vết thương cẳng tay trái, kích thước khoảng 02cm, bờ sắc gọn. Hiện vết thương lành sẹo, kích thước 03cm x 0,2cm.

- Cơ chế hình thành các thương tích là do vật sắc nhọn gây ra.

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích tại thời điểm giám định là **14%.**

Ngày 14/01/2023, Nguyễn Duy P có đơn yêu cầu giám định lại thương tật của Lê Đăng K.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 42/23/TgT, ngày 06/3/2023 của Phân viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Lê Đăng K như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước trung bình ở vùng nách trái.

- Sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ đường nách trái.

- 03 vết sẹo kích thước nhỏ ở lưng trái.

- Sẹo kích thước nhỏ mặt sau ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái.

- Gãy xương sườn VIII trái can xương liền tốt.

- Tổn thương màng phổi trái đã điều trị, hiện không để lại di chứng.

- Rách cơ hoành trái, có thoát vị mỡ từ khoang dưới hoành qua lỗ rách.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần:

- Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Đăng K là:

+ Sẹo kích thước trung bình ở vùng nách trái: 02%.

+ Sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ đường nách trái: 01%.

+ 03 vết sẹo kích thước nhỏ ở lưng trái: 03%.

+ Sẹo kích thước nhỏ mặt sau ngoài 1/3 dưới cẳng tay trái: 01%.

+ Gãy xương sườn VIII trái can xương liền tốt: 02%.

+ Tổn thương màng phổi trái đã điều trị, hiện không để lại di chứng: 03%.

+ Rách cơ hoành trái, có thoát vị mỡ từ khoang dưới hoành qua lỗ rách: 03%.

- Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Lê Đăng K là: 14% theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

- Các thương tích trên của nạn nhân Lê Đăng K là do vật sắc nhọn tác động trực tiếp gây nên. Do các thương tích trên đã được xử trí khâu vết thương và đã liền sẹo nên không có cơ sở để xác định chiều hướng thương tích.

Quá trình điều tra, bị hại Lê Đăng K yêu cầu bồi thường chi phí điều trị, thuốc men và tiền thu nhập bị mất với số tiền là 34.197.635đồng. Chị Nguyễn Thị Chiêu H (bạn của Lê Đăng K) yêu cầu bồi thường số tiền thu nhập bị mất trong thời gian chị chăm sóc cho K điều trị thương tích với số tiền là 1.500.000đồng. Bị cáo đã bồi thường cho K số tiền 3.000.000đồng và đồng ý bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của K và H.

Cáo trạng số 28/CT-VKSCT ngày 10/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Nguyễn Duy P về “*Tội cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy P phạm “*Tội cố ý gây thương tích*” và áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy P từ 02 năm đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Duy P phải bồi thường số tiền còn lại cho bị hại Lê Đăng K theo yêu cầu.

Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao chét dài 50cm, cán gỗ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 32cm, mũi bằng; 01 chiếc dép cao su màu xanh.

* *Tại phiên tòa, bị hại Lê Đăng K trình bày:*

Thời gian 05 ngày nằm viện điều trị thương tích, bị hại có mượn bạn là chị Nguyễn Thị Chiêu H nuôi bệnh và hiện tại bị hại vẫn chưa trả tiền công nuôi bệnh cho chị H. Quá trình điều tra thì bị hại yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy P bồi thường số tiền là 34.197.635đồng gồm chi phí điều trị, tiền thuốc men là 16.197.635đồng và thu thập bị mất trong 02 tháng điều trị thương tích là 18.000.000đồng. Tại phiên tòa, bị hại đồng ý giảm mức yêu cầu bồi thường cho bị cáo, chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 31.197.635đồng gồm chi phí điều trị, tiền thuốc men là 16.197.635đồng và thu thập bị mất trong 02 tháng điều trị thương tích là 15.000.000đồng. Bị cáo đã bồi thường được số tiền là 3.000.000đồng nên yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là: 28.197.635đồng. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

* *Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Chiêu H trình bày:*

Chị là bạn của bị hại Lê Đăng K. Chị là người chăm sóc cho K trong thời gian K điều trị thương tích tại bệnh viện từ ngày 04/6/2022 đến ngày 09/6/2022 là 05 ngày. Chị làm nghề mua bán hoa kiểng có thu nhập 300.000đồng/ngày. Quá trình điều tra, chị yêu cầu bị cáo Nguyễn Duy P bồi thường cho chị tiền thu nhập bị mất trong thời gian 05 ngày chị chăm sóc cho K điều trị thương tích với số tiền là 1.500.000đồng. Tuy nhiên, nay tại phiên tòa, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền nói trên. Do bị hại Lê Đăng K nhờ chị nuôi bệnh nên chị sẽ yêu cầu K trả cho chị tiền công nuôi bệnh, nếu có phát sinh tranh chấp thì chị sẽ khởi kiện Lê Đăng K bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời tại nói lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người làm chứng đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra, việc vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Lời khai nhận của bị cáo trước tòa là phù hợp với lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm cũng như công cụ gây án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 04/6/2022, Lê Đăng K cùng Nguyễn Minh H1 đến nhà Nguyễn Duy P tại ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre để giải quyết mâu thuẫn, do không gặp được P nên bỏ về. Sau đó, P đi tìm K. Trong lúc xô xát, P dùng dao chét mang theo chém về phía K nhiều nhát trúng tay trái của K, K dùng thanh sắt đánh lại, P ném dao chét về phía K và bỏ chạy. K đuổi theo nhưng bị trượt chân té, P thấy vậy quay lại và giật lấy dao bấm, dài khoảng 20cm trong tay K đâm vào vùng hông trái và lưng trái của K, sau đó P cầm dao bấm bỏ đi. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã gây ra 03 vết thương ở vùng lưng trái của bị hại Lê Đăng K là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện 03 vết thương này ở phía bên trái gần với vị trí vết thương ở vùng đường nách trái của bị hại và kết luận giám định cho thấy 03 vết thương này là do vật sắc nhọn gây ra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 42/23/TgT, ngày 06/3/2023 của Phân viện pháp y quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Lê Đăng K là: 14%.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm sức khỏe của người khác. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhất xuất phát từ mâu thuẫn đánh nhau trước đó và sự tức giận vì K đến nhà tìm nên P đi tìm K gây thương tích cho K. Mặc dù bị cáo chém nhiều nhất đã làm trúng tay của bị hại và bỏ chạy, nhưng khi thấy bị hại trượt té thì bị cáo vẫn quay lại, dùng dao đâm bị hại, thể hiện quyết tâm gây thương tích cho bị hại của bị cáo. Hành vi của bị cáo thể hiện bản tính hung hãn, “côn đồ” và xem thường sức khỏe của người khác. Bị cáo xác định con dao bấm là của K mang theo, tuy nhiên K không thừa nhận mà xác định con dao bấm là của P. Quá trình điều tra không thu hồi được con dao bấm, đồng thời những người làm chứng cũng không thấy, không xác định được con dao bấm là do K hay P mang theo nên không có cơ sở xác định con dao bấm là của ai, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy đây không phải là tình tiết định tội, không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Bị cáo thừa nhận đã dùng con dao bấm (dài khoảng 20cm) và con dao chết gây thương tích cho K, như vậy xác định công cụ P sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội là dao, đây được xác định là “hung khí nguy hiểm”. Bản thân bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết xâm phạm sức khỏe của người khác là hành vi trái pháp luật nhưng đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích của Lê Đăng K là 14%, là thương tích do bị cáo dùng dao gây ra. Từ đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Duy P phạm “Tội cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 với tình tiết định khung tăng nặng là “dùng hung khí nguy hiểm” và “có tính chất côn đồ”. Truy tố và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 10/6/2020, bị cáo đã bị kết án về “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đã chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017..

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; sự việc xảy ra bị hại cũng có một phần lỗi, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Mặc dù có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, có tiền án và có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc trường hợp tái phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo thể hiện quyết tâm gây thương tích cho bị hại. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bản tính xem thường pháp luật của bị

cáo, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Đăng K yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị, tiền thuốc men và tiền thu nhập 02 tháng bị mất do điều trị thương tích với tổng số tiền là 31.197.635đồng, gồm: chi phí điều trị, tiền thuốc men là 16.197.635đồng và tiền thu thập bị mất là 15.000.000đồng. Bị cáo đã bồi thường cho bị hại được số tiền 3.000.000đồng và đồng ý bồi thường số tiền còn lại theo yêu cầu của bị hại. Do đó, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Lê Đăng K số tiền là 28.197.635đồng.

Ghi nhận tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Chiêu H không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền thu nhập 05 ngày bị mất trong thời gian chị chăm sóc cho K điều trị thương tích số tiền là 1.500.000đồng.

Trường hợp chị Nguyễn Thị Chiêu H và anh Lê Đăng K phát sinh tranh chấp đối với số tiền công nuôi bệnh thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 (một) con dao chét dài 50cm, cán gỗ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 32cm, mũi bằng, đây là công cụ bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

+ Đối với 01 (một) chiếc dép cao su màu xanh không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[8] Bị hại và 02 người làm chứng là Nguyễn Minh D và Nguyễn Minh H1 xác định nhóm người đi cùng bị cáo tại thời điểm xảy ra vụ việc là 03 người, gồm bị cáo và 02 người khác, nhưng do trời đã tối nên không thấy mặt và không nhận dạng được 02 người đi cùng bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo xác định tại thời điểm xảy ra vụ việc gây thương tích thì bị cáo không đi cùng ai, chỉ có một mình bị cáo gây thương tích cho bị hại. Từ đó, quá trình điều tra không thể xác định được lời trình bày của bị hại và 02 người làm chứng nên không có cơ sở đề cập, xử lý.

Đối với Nguyễn Nhựt T và Trần Hữu P1, bị cáo trình bày có nhờ T và P1 chờ quá giang một đoạn đến cầu bê tông thì bị cáo xuống xe đi bộ, còn T và P1 đi đâu không rõ, tuy nhiên T và P1 không thừa nhận và xác định không biết, không tham gia vào vụ việc gây thương tích của bị cáo. Quá trình điều tra không phát hiện giữa bị cáo và T và P1 có liên lạc với nhau, đồng thời đã tiến hành đối chất giữa bị cáo với T và P1 nhưng kết quả các bên vẫn giữ nguyên lời khai của mình. Do đó, từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được không đủ chứng minh T và P1 đồng phạm với P nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T và P1 về tội cố ý gây thương tích.

[9] Về án phí:

Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Do yêu cầu về trách nhiệm dân sự của bị hại được chấp nhận nên bị cáo có trách nhiệm chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là: $28.197.635\text{đồng} \times 5\% = 1.409.881\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Duy P** phạm “Tội cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Duy P 02 (Hai) năm tù**.

Thời hạn tù tính từ ngày 14/01/2023.

[2] Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các điều 584, 585, 586, 590 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo **Nguyễn Duy P** có trách nhiệm bồi thường cho anh **Lê Đăng K** số tiền chi phí điều trị, tiền thuốc men và tiền thu thập bị mất với số tiền là 28.197.635đồng (hai mươi tám triệu một trăm chín mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi lăm đồng).

+ Ghi nhận tại phiên tòa chị **Nguyễn Thị Chiêu H** không yêu cầu bị cáo **Nguyễn Duy P** phải bồi thường số tiền thu nhập 05 ngày bị mất trong thời gian chăm sóc **K** điều trị thương tích là 1.500.000đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[3] Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) con dao chét dài 50cm, cán gỗ dài 18cm, lưỡi bằng kim loại màu đen dài 32cm, mũi bằng; 01 chiếc dép cao su màu xanh.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện C, tỉnh Bến Tre với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre).

[4] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo **Nguyễn Duy P** có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo **Nguyễn Duy P** có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định là 1.409.881đồng (một triệu bốn trăm lẻ chín nghìn tám trăm tám mươi một đồng).

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Bộ phận HS Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Q, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Triều